

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2019
V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Thị Chơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Việt
2. Ông Hà Văn Sơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2019 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2019/QĐST – HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị H. Sinh năm 1991. Địa chỉ: Bản M, xã N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Tuấn L. Sinh năm 1988. Địa chỉ: Bản M, xã N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 6 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lò Thị H trình bày như sau:

Chị và anh Lê Tuấn L kết hôn với nhau từ năm 2010 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện M, tỉnh Nam Định vào ngày 10/6/2010 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ

chồng là do anh L vướng vào con đường tệ nạn xã hội, nghiện ma túy, không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Chị đã nhiều lần động viên nhưng anh L không từ bỏ được ma túy nên vợ chồng tH xuyên có xung đột, cãi vã, thỉnh thoảng anh L còn đánh chị. Đỉnh điểm mâu thuẫn là thời gian gần đây, anh L tH xuyên tụ tập bạn bè về nhà sử dụng ma túy và đuổi 03 ba mẹ con chị ra khỏi nhà. Vì vậy, hiện tại chị đang phải sống nhờ nhà mẹ đẻ ở cùng bản được khoảng 04 tháng và ly thân từ thời điểm đó đến nay. Trong thời gian này, anh L không quan tâm gì đến vợ con, dọa đánh chị và có hành động khủng bố tinh thần chị nên chị luôn phải sống trong tình trạng sợ hãi. Đến nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng từ phía chị và anh L đều không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh L được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lê Thị Khánh H, sinh ngày 29/8/2011 và cháu Lê Thị Thùy D, sinh ngày 30/12/2016. Chị có nguyện vọng được nuôi cả 02 cháu do anh L nghiện ma túy không có khả năng nuôi dưỡng và chị cũng không yên tâm khi giao con cho anh L. Đồng thời, chị không đề nghị anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Trong thời kỳ hôn nhân, chị H cho rằng anh chị nhận chuyển nhượng mảnh đất vườn diện tích đất 250m² tại Bản M, xã N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào năm 2014. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố đẻ chị là Lò Văn C do UBND huyện Mai Sơn cấp ngày 29/11/2001. Vợ chồng chị nhận chuyển nhượng của mẹ đẻ là bà Thiều Thị T (sinh năm 1959) và anh trai Lò Văn T (sinh năm 1986, trú tại bản M, xã N) do bố chị mất năm 2012, việc này cũng được các anh chị em trong gia đình nhất trí. Hai bên chỉ làm giấy viết tay, không thông qua chính quyền địa phương, cũng chưa làm thủ tục chuyển nhượng đất theo quy định. Tuy nhiên, giấy tờ mua đất hiện tại anh L đang giữ và không đưa ra. Trên đất có 01 ngôi nhà cấp bốn kèm theo công trình phụ xây năm 2014. Ngoài ra, trong nhà còn một số vật dụng trong gia đình như bát đĩa, xong nồi, ti vi, tủ lạnh, máy lọc nước...

Đối với tài sản chung trên, chị có nguyện vọng được trực tiếp sử dụng nhà và đất, đồng thời trả tiền chênh lệch cho anh L. Tuy nhiên, trong thời gian khoảng 03 năm gần đây, anh L vướng vào tệ nạn xã hội không tham gia đóng góp gì cho gia đình, chị xin nhận làm nuôi các con chung và không đề nghị anh L cấp dưỡng nuôi con cùng nên đề nghị Tòa án xem xét phân chênh lệch cho thỏa đáng, hơn nữa anh L là người dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và hôn nhân tan vỡ.

Về nợ chung vợ chồng: Chị H xác nhận đến thời điểm ly hôn không còn nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi giấy triệu tập yêu cầu anh Lê Tuấn L đến Tòa án để làm việc. Tuy nhiên, anh L vắng mặt không có lý do, không gửi bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án đã trực tiếp đi xác minh lấy lời khai của anh L nhưng anh L từ chối cung cấp lời khai và làm việc với Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh L tại đại diện bản M, xã N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La và hàng xóm bà Thiều Thị V. Kết quả xác minh như sau: Anh L và chị H sau khi kết hôn năm 2012 về chung sống cùng gia đình bố mẹ vợ là ông Lò Văn

C và bà Thiều Thị T, đến năm 2014 thì mua đất của gia đình vợ và làm nhà cấp bốn trên đất ra sống riêng. Thời gian đầu, gia đình hạnh phúc. Khoảng vài năm gần đây, anh L nghiện ma túy nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Đỉnh điểm là anh L đã đuổi 03 mẹ con chị H ra khỏi nhà.

Ngoài ra, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản chung vợ chồng giữa chị H và anh L, xác định:

- Tổng diện tích đất là 280,5m² đất đã trừ hành lang giao thông đường liên xóm. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lò Văn C do UBND huyện Mai Sơn cấp ngày 27/11/2001. Tứ cạnh cụ thể:

Phía Đông Nam giáp đất hộ bà Thiều Thị T, dài 50,7m;

Phía Đông Bắc giáp đường bê tông xóm, dài 5,4m;

Phía Tây Bắc giáp đất hộ bà Thiều Thị T, dài 50,4m;

Phía Đông Nam giáp đất hộ bà Thiều Thị T, dài 5,6m;

(kèm theo sơ đồ thửa đất).

Giá trị thửa đất là 54.000.000VNĐ.

- Tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà cấp bốn kèm theo công trình phụ, sân, bể nước, giếng khoan, bán mái lợp tôn cùng một số vật dụng gia đình... Tổng giá trị nhà cửa, vật kiến trúc trên đất là 96.967.000VNĐ.

- Cây cối trên đất gồm 05 cây na, 01 cây maca, 02 cây bưởi, tổng giá trị là 3.090.000VNĐ.

Tổng giá trị tài sản chung được định giá là 154.057.000VNĐ.

Do anh L vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án nên vụ án thuộc L hợp không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đường lối giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham

gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 53, 59, 61, 62, Điều 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 228; Điều 147; Điều 266; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xét xử theo hướng:

Về hôn nhân: xử cho ly hôn giữa chị Lò Thị H và anh Lê Tuấn L.

Về con chung: Chị H và anh L có 02 con chung là cháu Lê Thị Khánh H, sinh ngày 29/8/2011 và cháu Lê Thị Thùy D, sinh ngày 30/12/2016. Giao 02 cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Khánh H và cháu Thùy D đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H do chị H không yêu cầu.

Về tài sản chung:

- Giao cho chị Lò Thị H quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản chung vợ chồng gồm:

+ Tổng diện tích là 280,5m² đất đã trừ hành lang giao thông đường liên xóm. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lò Văn C do UBND huyện Mai Sơn cấp. Tứ cạnh cụ thể được thể hiện tại sơ đồ thửa đất kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ). Giá trị thửa đất là 54.000.000VNĐ.

+ Tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà cấp bốn kèm theo công trình phụ, sân, bể nước, giếng khoan, bán mái lợp tôn cùng một số vật dụng gia đình... Tổng giá trị nhà cửa, vật kiến trúc trên đất là 96.967.000VNĐ.

+ Cây cối trên đất gồm 05 cây na, 01 cây maca, 02 cây bưởi, tổng giá trị là 3.090.000VNĐ.

Tổng giá trị tài sản chung chị H được nhận là 154.057.000VNĐ.

Chị H có trách nhiệm thanh toán cho anh L số tiền giá trị tài sản được chia là 50.000.000 VNĐ (Năm mươi triệu đồng).

- Anh Lê Tuấn L được nhận số tiền giá trị tài sản được chia từ chị H là 50.000.000 VNĐ (Năm mươi triệu đồng).

Về nợ chung: Chị Lò Thị H xác nhận không có nợ chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về án phí, chi phí tố tụng khác: Chị Lò Thị H chịu án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ngày 10/6/2019, chị Lò Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Lê Tuấn L, nơi cư trú: Bản M, xã N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn

La. Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình số 97/TLST-HNGĐ ngày 14/6/2019 với quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn đã gửi thông báo thụ lý, giấy triệu tập hợp lệ cho anh Lê Tuấn L nhưng anh L vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Do vậy, tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc xét xử, trước khi mở phiên tòa, Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết công khai các quyết định xét xử, giấy triệu tập, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh L tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa không có lý do lần thứ 02 liên tiếp. Căn cứ khoản 3, khoản 5 điều 177, Điều 179, Điều 228 Bộ luật dân sự năm 2015, thì Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Lê Tuấn L và thực hiện thủ tục xét xử vắng mặt anh Lê Tuấn L là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Anh Lê Tuấn L và chị Lò Thị H tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2010, anh chị đã được UBND thị trấn Mỹ Lộc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/6/2010. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh L vương vào con đường nghiện ma túy, không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Chị H đã nhiều lần động viên nhưng anh L không từ bỏ được ma túy nên vợ chồng tH xuyên có xung đột, cãi vã, thỉnh thoảng anh L còn đánh chị. Đỉnh điểm mâu thuẫn là thời gian gần đây, anh L thường xuyên tụ tập bạn bè về nhà sử dụng ma túy, gây mất trật tự trị an địa phương và đuổi ba mẹ con chị H ra khỏi nhà. Qua xác minh đối với bà Thiều Thị V và đại diện ban quản lý bản M có xác định những nội dung này. Với những lý do trên, anh chị sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh L mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh L.

[2.2] Về con chung: Quá trình hôn nhân, chị H và anh L có 02 con chung là cháu Lê Thị Khánh H, sinh ngày 29/8/2011 và cháu Lê Thị Thùy D, sinh ngày 30/12/2016. Khi anh L đuổi mẹ con chị H ra khỏi nhà, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng con. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu. Cháu Khánh H đã trên 07 tuổi, khi Tòa án lấy ý kiến đã thể hiện nguyện vọng được trực tiếp ở với mẹ. Cháu Thùy D còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi. Hơn nữa, qua xác minh xác định anh L có sử dụng chất ma túy, đuổi mẹ con chị H ra khỏi nhà, không chăm lo cho con cái. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định của con chung, Hội

đồng xét xử căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần giao cháu Lê Thị Khánh H và cháu Lê Thị Thùy D cho chị Lò Thị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục cháu cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị H không đề nghị anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng mình do anh L không có khả năng cấp dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy, đây là sự tự nguyện của chị H, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Chị H xác nhận, tthời kỳ hôn nhân, anh chị có mảnh đất vườn diện tích đất 280,5m² tại Bản M, xã N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố đẻ chị là Lò Văn C do UBND huyện Mai Sơn cấp ngày 27/11/2001. Nguồn gốc tài sản do anh chị nhận chuyển nhượng mẹ đẻ là bà Thiều Thị T và anh trai Lò Văn T vào năm 2014. Do ông Lò Văn C là người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã mất nên Tòa án đã tiến hành làm việc với những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông C gồm bà Thiều Thị T (vợ của ông C) và các con gồm anh Lò Văn T, chị Lò Thị T, chị Lò Thị H, anh Lò Văn S, anh Lò Văn T đều xác nhận có chuyển nhượng cho chị Lò Thị H diện tích đất tại Bản M, xã N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La trong thời kỳ hôn nhân như chị H trình bày. Diện tích đất này đã được giao cho chị H và anh L xây dựng nhà trên đất từ năm 2014 và không có tranh chấp gì. Trên đất có 01 ngôi nhà cấp bốn kèm theo công trình phụ xây năm 2014. Ngoài ra, trong nhà còn một số vật dụng trong gia đình như bát đĩa, xong nồi, ti vi, tủ lạnh, máy lọc nước... Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là tài sản chung vợ chồng chị H và anh L trong thời kỳ hôn nhân. Qua xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản xác định toàn bộ khối tài sản chung của chị H và anh L tại Bản M, xã N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La có trị giá 154.057.000VNĐ.

Đối với tài sản chung trên, chị có nguyện vọng được trực tiếp sử dụng nhà và đất, đồng thời trả tiền chênh lệch cho anh L và xem xét đến công sức đóng góp của chị trong việc tạo lập khối tài sản chung. Hội đồng xét xử xét thấy, anh L có biểu hiện của người nghiện ma túy, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, điều này ảnh hưởng đến việc duy trì và phát triển khối tài sản chung và đây cũng là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Hơn nữa, anh L đã đánh đuổi chị H cùng 02 con còn nhỏ ra khỏi nhà, đây là đỉnh điểm của mâu thuẫn dẫn đến ly hôn. Hơn nữa, chị H nhận trực tiếp nuôi dưỡng 02 con nhỏ và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu của chị H được trực tiếp sử dụng nhà đất và hưởng phần tài sản chung lớn hơn của chị H. Đồng thời, chị H có trách nhiệm trả tiền chênh lệch cho anh L.

[2.4] *Về nợ chung vợ chồng*: Chị H xác định, đến thời điểm ly hôn không còn nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[2.5] *Về án phí và chi phí tố tụng khác*: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tòa án tiến hành định giá tài sản trên đất và giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp theo yêu cầu của nguyên đơn, nguyên đơn tự nguyện chịu các chi phí này. Do vậy, nguyên đơn phải chịu chi phí định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 53, 59, 61, 62, Điều 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 228; Điều 147; Điều 266; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lò Thị H và anh Lê Tuấn L.

2. Về con chung: Chị H và anh L có 02 con chung là cháu Lê Thị Khánh H, sinh ngày 29/8/2011 và cháu Lê Thị Thùy D, sinh ngày 30/12/2016. Giao 02 cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Khánh H và cháu Thùy D đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H do chị H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh L được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh L được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung vợ chồng:

3.1. Giao cho chị Lò Thị H quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản chung vợ chồng gồm:

- Tổng diện tích là 280,5m² đất đã trừ hành lang giao thông đường liên xóm. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lò Văn C do UBND huyện Mai Sơn cấp ngày 27/11/2001. Tờ cạnh cụ thể:

Phía Đông Nam giáp đất hộ bà Thiều Thị T, dài 50,7m;

Phía Đông Bắc giáp đường bê tông xóm, dài 5,4m;

Phía Tây Bắc giáp đất hộ bà Thiều Thị T, dài 50,4m;

Phía Đông Nam giáp đất hộ bà Thiều Thị T, dài 5,6m;

(kèm theo sơ đồ thửa đất).

Giá trị thửa đất là 54.000.000VNĐ.

- Tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà cấp bốn kèm theo công trình phụ, sân, bể nước, giếng khoan, bán mái lợp tôn cùng một số vật dụng gia đình... Tổng giá trị nhà cửa, vật kiến trúc trên đất là 96.967.000VNĐ.

- Cây cối trên đất gồm 05 cây na, 01 cây maca, 02 cây bưởi, tổng giá trị là 3.090.000VNĐ.

Tổng giá trị tài sản chung chị H được nhận là 154.057.000VNĐ (Một trăm năm mươi tư triệu không trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Chị H có trách nhiệm thanh toán cho anh L số tiền giá trị tài sản được chia là 50.000.000 VNĐ (Năm mươi triệu đồng).

3.2. Anh Lê Tuấn L được nhận số tiền giá trị tài sản được chia từ chị H là 50.000.000 (Năm mươi triệu đồng).

4. Về nợ chung vợ chồng: Chị Lò Thị H xác nhận không còn nợ chung trong thời kỳ hôn nhân nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về nợ chung vợ chồng và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

5. Về án phí: Chị Lò Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002195 ngày 14 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Chị Lò Thị H tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.300.000 (Hai triệu ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên nhận thu tiền tạm ứng chi phí chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.000.000 đồng, đã được nhận lại 700.000 (Bảy trăm nghìn đồng) đồng theo biên nhận trả lại tiền tạm ứng ngày 12/8/2019.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lò Thị Chơ